

Tỉnh (TP):

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ ĐẤT
(Áp dụng đối với đất phi nông nghiệp tại đô thị:.....)⁽¹⁾

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Nội dung	Loại đô thị	Giá đất điều tra				Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	So sánh %	
		Tổng số phiếu	Cao nhất	Phổ biến (2)	Thấp nhất			(5)/(7)	(8)/(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Quận (TX, TP, H):									
- Tên đường, phố, đoạn đường, đoạn phố									
+ Vị trí 1									
+									
- Tên đường, phố, đoạn đường, đoạn phố									
+ Vị trí 1									
+									
- Tên đường, phố, đoạn đường, đoạn phố									
2. Quận (TX, TP, H):									
.....									

Xác nhận của Sở TN&MT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Xác nhận của Tổ chức tư vấn xác định giá
đất**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Áp dụng để tổng hợp giá đất ở tại đô thị; giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị; giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị.

(2) Giá đất phổ biến trên thị trường của từng vị trí đất xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Thông tư này